

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 22/6/2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Ông Nguyễn Văn Bạ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh H;

- Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh H;

Anh B, chị H vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn B và bị đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 5 năm 2020 tại khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh H nhưng do mãi làm ăn kinh tế, vợ chồng cũng thường xuyên cãi nhau, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thời gian đầu anh chị chung sống không được hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng chung sống được 1 thời gian ngắn anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt hàng ngày và cách thức làm kinh tế. Ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, sau đó tích tụ dần khiến cuộc sống vợ chồng rất nặng nề, hai bên đã tìm nhiều cách khắc phục nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay. Nay anh B đề nghị ly hôn và chị H cũng đồng ý. Anh B và chị H cũng thống nhất đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Ngọc M, sinh ngày 25/02/2022. Hiện tại con chung đang ở cùng chị H và anh B. Nếu anh chị ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung với chị số tiền là 1.200.000/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh B cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với chị H số tiền là 1.200.000/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Ông T - bố đẻ anh B trình bày: Ông là bố đẻ anh B và là bố chồng chị H. Anh chị chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên cãi nhau, gia đình cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Đến nay ông cũng được biết anh B và chị H chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Tuy chung sống cùng nhà nhưng anh chị ly thân mỗi người 1 phòng, không quan tâm nhau. Nay anh B xin ly hôn chị H, ông đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Anh chị có 01 con chung là Phạm Ngọc M, sinh ngày 25/02/2022 hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Nếu anh chị ly hôn ông đề nghị giao con chung của anh chị cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ.

- Ông C và bà V - bố mẹ đẻ chị H trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị H và là bố mẹ vợ của anh B. Tháng 5 năm 2020 anh B và chị H có về chung sống cùng nhau tại nhà anh B tại C, H. Ông bà được biết anh chị đều chưa đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn thường xuyên đánh cãi chửi nhau, nguyên nhân cụ thể thế nào ông bà không nắm được. Nay anh chị làm thủ tục ly hôn tại Tòa án đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Anh chị có 01 con chung là Phạm Ngọc M, sinh ngày 25/02/2022. Nếu anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông bà sẽ tạo điều kiện, hỗ trợ mặt về điều kiện ăn, ở sinh hoạt của mẹ con chị H.

- Tại biên bản xác minh với trưởng khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh H xác định: Ông T trình bày, ông là trưởng khu dân cư K, phường V. Anh B và chị H có chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng nghi ngờ nhau, chị H không tin tưởng anh B, ghen tuông cãi nhau triền miên. Địa phương cùng với gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Hiện nay anh B và chị H đã sống ly thân, tuy cùng chung 1 nhà nhưng mỗi người 1 việc không ai quan tâm ai nữa. Địa phương cũng mới nắm được anh B và chị H chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nay anh B xin ly hôn chị H, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 1 con chung là Phạm Ngọc M, sinh ngày 25/02/2022. Về tài sản chung: địa phương không nắm được.

- Tại biên bản xác minh với tư pháp UBND phường V thể hiện: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn từ năm 2020 đến nay tại Ủy ban nhân dân phường V không thể hiện anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị H có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh B và chị H có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể mâu thuẫn thế nào thì địa phương không nắm được. Tháng 2 năm 2023 anh B đến Ủy ban xin xác nhận tình trạng hôn nhân để ly hôn chị H thì địa phương mới biết. Nay anh B xin ly hôn chị H đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 1 con chung là Phạm Ngọc M, sinh ngày 25/02/2022. Về tài sản chung: địa phương không nắm được.

- Tại biên bản xác minh với phòng tư pháp thành phố C thể hiện: Qua rà soát kiểm tra sổ đăng ký kết hôn của phòng Tư pháp từ năm 2019 đến năm 2022 (Sổ năm 2023 Ủy ban nhân dân phường V cuối năm mới nộp lưu) thì không có trường hợp nào có tên Nguyễn Văn B và Phạm Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V. Ngoài ra cũng không có trường hợp nào là Nguyễn Văn B, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu dân cư K, phường V đăng ký kết hôn với người khác.

- Tại công số 45/UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh T trả lời như sau: Về tình trạng hôn nhân: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986; Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã Th, huyện B, tỉnh T đã từng đăng ký kết hôn với người khác nhưng đến ngày 23/10/2020 chị H đã ly hôn theo quyết định số 165/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện B. Đến ngày 20/5/2021 chị Phạm Thị Huyền có đề nghị Ủy ban nhân dân xã Th cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để đi đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn B, sinh ngày 18/9/1974, thường trú tại phường V, thành phố C, tỉnh H. Đến

thời điểm hiện tại UBND xã Th chưa thực hiện đăng ký kết hôn cho chị Phạm Thị H với ai.

Tại phiên tòa:

Anh B và chị H đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không công nhận anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị H là vợ chồng.

Giao cháu Phạm Ngọc M, sinh ngày 25/02/2022 cho chị H nuôi dưỡng, anh B cấp dưỡng nuôi con chung với chị H mỗi tháng 1.200.000đ đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Tài sản chung: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Anh B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn B khởi kiện xin ly hôn với chị Phạm Thị H có địa chỉ thường trú tại phường V, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh B và chị H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng anh B và chị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh B và bị đơn chị H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của anh B và chị H, anh chị đã chung sống với nhau ở khu dân cư K, phường V, thành phố C từ tháng 5 năm 2020. Từ đó đến nay anh chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nào. Xác minh tại UBND phường V và phòng Tư pháp thành phố C cũng như Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh T đều thể hiện: từ năm 2020 đến nay, không có thông tin đăng ký kết hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị H. Như vậy, có căn cứ xác định anh bên và chị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định và kể từ đó đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn theo hướng dẫn tại Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 9-6-2000 của Quốc hội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa anh B và chị H không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, anh B xin ly hôn chị H, Tòa án sẽ tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Ngọc M, sinh ngày 22/5/2022. Khi ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận giao con chung Phạm Ngọc M cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị H số tiền là 1.200.000đ/1 tháng, kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng, thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự, kể từ ngày chị H yêu cầu thi hành án, nếu anh B không thi hành số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Anh B là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B.

1. Xử: Không công nhận anh Nguyễn Văn B và chị phạm Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Ngọc M, sinh ngày 22/5/2022 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị H số tiền là 1.200.000đ/1 tháng, kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng, thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự, kể từ ngày chị H yêu cầu thi hành án, nếu anh B không thi hành số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con), đối trừ với số tiền 300.000đ anh B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0003748 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H. Anh B còn phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành Nguyễn Văn Bạ

Nguyễn Thị Vân Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành Nguyễn Văn Bạ

Nguyễn Thị Vân Anh